

外國人同意轉換雇主或工作證明書(中越雙語版)

Giấy chứng nhận công việc hoặc lao động nước ngoài đồng ý chuyển Chủ khác

雇主名稱 Tên nhà Chủ			
統一編號 / 身分證字號 Số doanh nghiệp hoặc số CMND		聯絡電話 Số ĐT liên lạc	
外國人姓名 Tên người lao động		護照號碼 Số Hộ chiếu	

雇主有下列情事之一（請擇一勾選），本人（外國人）同意轉換雇主或工作，並願依相關規定辦理：

Nhà Chủ có 1 trong những trường hợp sau (xin đánh dấu), bản thân Tôi(lao động nước ngoài) đồng ý chuyển Chủ mới hoặc chuyển công việc và đồng ý tuân theo những quy định sau:

☐ 1. 原雇主、被看護者死亡或移民。Chủ sử dụng hoặc người được chăm sóc qua đời hoặc di cư.

☐ 2. 漁船被扣押、沉沒或修繕無法作業。Tàu thuyền bị thu giữ, bị chiếm hoặc tu sửa mà vẫn không thể tiếp tục làm việc.

☐ 3. 關廠歇業或無法依勞動契約給付工作報酬。Nhà máy đóng cửa , ngưng sản xuất hoặc không dựa theo hợp đồng lao động trả lương cho lao động.

☐ 4. 被看護者康復。Người được chăm sóc sức khỏe được phục hồi .

☐ 5. 被看護者送照護機構。Người được chăm sóc được đưa đi viện dưỡng lão .

☐ 6. 已聘僱本國看護工照顧或由家人照顧。Do đã thuê người địa phương chăm sóc hoặc do người nhà tự chăm sóc.

☐ 7. 經濟因素不佳，無法給付工作報酬。Do kinh tế không tốt hoặc không có khả năng trả lương.

☐ 8. 業務緊縮或已無工作、照顧需求。Do công việc eo hẹp hoặc không có việc làm hoặc cần có nhu cầu chăm sóc.

☐ 9. 其他 Vấn đề khác _____

雇主 Tên nhà Chủ :

(簽章 Ký tên và đóng dấu)

外國人 Tên Lao động :

(簽章 Ký tên và lấn dấu tay)

日期 Thời gian :

年 năm

月 tháng

日 ngày